

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2023

V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2023, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy L; địa chỉ: Ấp MT, xã TM, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Nguyễn Trúc H; địa chỉ: Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Duy L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Võ Nguyễn Trúc H tự tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long ngày 28/7/2000. Sau khi kết hôn, ông và bà H sống tại địa chỉ Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Ông và bà H sống hạnh phúc, khoảng 6-7 năm nay thì không còn hạnh phúc. Quá trình sống chung thường phát sinh mâu thuẫn, do bà H ít khi quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên vắng nhà để đi chùa.

Khi phát sinh mâu thuẫn ông cũng có tạo điều kiện cùng nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà H không có thay đổi và vợ chồng vẫn không hàn gắn được, hai bên gia đình cũng không có khuyên ngăn nhưng bà H không thay đổi. Ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì ông sinh sống tại địa chỉ ấp MT, xã TM, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long; còn bà H hiện nay sống tại địa chỉ Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Ông xác định hiện nay không còn tình cảm với bà H. Vì vậy, ông không thể hàn gắn đoàn tụ với bà H được và cương quyết xin ly hôn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Võ Nguyễn Trúc H theo đơn khởi kiện.

Về con chung: Quá trình sống chung ông và Hà có 01 người con chung tên Nguyễn Võ Minh L, sinh năm 2002. Hiện nay Minh L đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Duy L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về hôn nhân: Ông L xin ly hôn với bà H; về con chung: Quá trình sống chung ông L và bà Hà có 01 người con chung tên Nguyễn Võ Minh L, sinh năm 2002; hiện nay Minh L đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Nguyễn Trúc H: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng bà H đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền loại việc: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn bà Võ Nguyễn Trúc H, cư trú tại địa chỉ: Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn bà Võ Nguyễn Trúc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

Ông Nguyễn Duy L với bà Võ Nguyễn Trúc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long ngày 28/7/2000. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông L và bà H là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Ông L xác định vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Đối chiếu với quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, nhưng giữa ông L và bà H mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, vẫn không hàn gắn được. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà H là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L ly hôn với bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung ông L và bà H có 01 người con chung tên Nguyễn Võ Minh L, sinh năm 2002. Hiện nay Minh L đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Ông Nguyễn Duy L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Duy L khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Duy L và bà Võ Nguyễn Trúc H.

2. *Về nuôi con chung*: Quá trình sống chung ông Nguyễn Duy L và bà Võ Nguyễn Trúc H có 01 người con chung tên Nguyễn Võ Minh L, sinh năm 2002. Hiện nay Minh L đã thành niên, nên không đặt ra giải quyết.

3. *Về chia tài sản*: Ông Nguyễn Duy L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Duy L khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

5. *Về án phí*: Ông Nguyễn Duy L chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001758 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND xã TM, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan